TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 498/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2019
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhanh
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1941/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Trường A, sinh năm: 1987. (vắng mặt)
Địa chỉ: 28/486 đường L, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trần Hồng P, sinh năm: 1984. (vắng mặt)
Địa chỉ: WA 6004, Australia.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn ông Đỗ Trường A trình bày:

Ông Đỗ Trường A và bà Trần Hồng P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 27/7/2016.

Ông A và bà P đăng ký kết hôn nhưng không có tình cảm yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi có giấy kết hôn, tháng 4/2017 bà P đi du học tại Australia cho đến nay, ông A đang sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không đem lại hạnh phúc, ông A yêu cầu được ly hôn với bà P.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn bà Trần Hồng P:

Trong văn bản đơn đồng ý ly hôn ngày 10/4/2019 đã được Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 10/4/2019, bà P trình bày thừa nhận quan hệ hôn nhân, việc đăng ký kết hôn,

con chung, tài sản chung, nợ chung như ông A trình bày và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông A. Do không thể về Việt Nam tham gia phiên tòa xét xử vụ án nêu trên, bà P yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt bà P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trường A yêu cầu ly hôn với bà Trần Hồng P, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thuộc trường hợp "Ly hôn" theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Trần Hồng P cư trú tại nước ngoài (Australia) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35, 37, 38, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt của nguyên đơn ông Đỗ Trường A và bị đơn bà Trần Hồng P tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Đỗ Trường A có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/5/2019, bà Trần Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt đã được Hợp pháp hóa lãnh sự ngày 10/4/2019. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Trường A đối với bị đơn bà Trần Hồng P, xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 88 ngày 27/7/2016 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đỗ Trường A và bà Trần Hồng P, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Trường A và bà Trần Hồng P là hôn nhân hợp pháp.

Ông Đỗ Trường A yêu cầu được ly hôn bà Trần Hồng P vì hai bên chỉ đăng ký kết hôn, không chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi có giấy kết hôn, bà P đi du học tại nước Úc (Australia) cho đến nay không còn liên hệ qua lại với ông A, điều kiện sống mỗi người mỗi nơi, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với bà P cũng thừa nhận trình bày của ông A là đúng và đồng ý ly hôn ông A. Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa ông A và bà P không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cuộc sống chung vợ chồng giữa ông A và bà P không có; điều kiện sống mỗi người mỗi nơi không có sự chia sẻ, thực hiện các công việc trong một gia đình; khả năng đoàn tụ không có nên chấp nhận yêu cầu của ông Đỗ Trường A ly hôn bà Trần Hồng P theo quy định tại Điều 19, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 2 Điều 38, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 và Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Trường A đối với bà Trần Hồng P:

- Quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Trường A ly hôn bà Trần Hồng P.

- Con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Đỗ Trường A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0045048 ngày 01/3/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án xử công khai sơ thẩm.

Ông Đỗ Trường A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Hồng P vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án sơ thẩm được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án sơ thẩm được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Phường N, quận G, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Trịnh Minh Đức